TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 12 - 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Long Khánh

2. Ông Lý Hồng Hạnh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 748/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp TTh, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp TTh, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2014. Vợ chồng bà có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 28/5/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên, chỉ là những mâu thuẫn

nhỏ nhặt trong gia đình. Khoảng 05-06 tháng nay ông H bỏ nhà đi và bà có nhiều lần điện thoại nhưng ông H không đồng ý quay về. Ông còn yêu cầu bà làm đơn ly hôn để ông về ký. Bà cảm thấy ông H không còn tình cảm yêu thương bà, cũng trong thời gian dài ông không mang tiền về lo lắng cho con và gia đình, không có trách nhiệm với gia đình. Bản thân bà cũng không còn tình cảm với ông H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Cha mẹ và người thân của ông H không ai sinh sống tại địa phương. Hiện nay ông H không cho bà biết ông đang ở đâu và làm gì. Bà nhiều lần điện thoại yêu cầu ông H về giải quyết việc ly hôn nhưng ông H không đồng ý về. Hiện nay bà làm công ty may nhưng chưa ký hợp đồng, còn trong thời gian thử việc. Thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ tháng. Các con bà hiện nay đang sống cùng bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con theo nguyện vọng của các con. Bản thân ông H cũng không có nghề nghiệp ổn định, sống bằng nghề làm thuê theo thời vụ, không cố định. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng bà không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị K đối với ông Nguyễn Văn H; giao cháu Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Tuấn C cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn xác định không có nên đề nghị không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H có địa chỉ thường trú tại ấp TTh, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà K và ông H là tự nguyện và hợp pháp. Bà K xác định vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và đã không còn quan tâm lẫn nhau. Đến thời điểm khởi kiện thì bà và ông H không còn tình cảm yêu thương nhau và không còn chung sống cùng nhau. Ông H dù được bà thông báo về việc ly hôn nhưng ông vẫn không có ý kiến phản hồi, không đến theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, bà K và ông H hiện nay không còn chung sống cùng nhau, bà K kiên quyết ly hôn, ông H cũng không đồng ý quay về đoàn tụ bà. Điều đó thể hiện cả bà K và ông H đều không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, đủ căn cứ xác định đời sống hôn nhân giữa bà K và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông H.

[3] Về con chung: Bà K và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 28/5/2014 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/3/2009. Hiện nay cháu T và cháu C sống cùng bà K, các cháu đều thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà K. Bà K xác định ông H không có công việc ổn định, sống bằng nghề làm thuê. Bà làm công ty may có thu nhập ổn định nên yêu cầu được tiếp tục nuôi các cháu T và C. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông H không có yêu cầu tranh chấp về con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, nhằm ổn định môi trường sống của cháu T và cháu C và đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của các cháu,

cần tiếp tục giao cháu T và cháu C cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà K không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K xác định không có tài sản chung và nợ chung và ông H cũng không có ý kiến trình bày liên quan đến tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị K đối với ông Nguyễn Văn H.

2. Giao cháu Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 28/5/2014 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/3/2009 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004372 ngày 26/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Đương sự**;**
- TANDTPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm